

# ĐỘNG LỰC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN KHÓA 25 NGÀNH DƯỢC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Vũ Lê Ngọc

Trường Đại học Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh

Email: VL.ngoc@hutech.edu.vn

**Tóm tắt:** Nghiên cứu mô tả động lực học tập của sinh viên khóa 25 ngành Dược tại Trường Đại học Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu mô tả cắt ngang, sử dụng bảng hỏi trực tuyến với thang Likert 5 mức từ 02/2026 đến 03/2026. Trong 80 phiếu phát ra, có 50 phiếu hợp lệ được phân tích, đạt tỷ lệ 62,5%. Dữ liệu được xử lý bằng Excel qua tần suất, tỷ lệ phần trăm, điểm trung bình và biểu đồ minh họa. Kết quả cho thấy điểm trung bình động lực học tập chung đạt 3,76/5,00; động lực nội tại đạt 3,89 điểm; động lực bên ngoài đạt 3,56 điểm; nhóm yếu tố ảnh hưởng đạt 3,84 điểm. Tỷ lệ sinh viên tự đánh giá động lực học tập ở mức cao và rất cao đạt 64,0%. Kết quả cho thấy cần tăng cường định hướng nghề nghiệp, hỗ trợ học tập và nâng cao tính thực tiễn của đào tạo ngành Dược.

**Từ khóa:** động lực học tập; sinh viên ngành Dược; giáo dục đại học; HUTECH University.

## LEARNING MOTIVATION OF COHORT 25 PHARMACY STUDENTS AT HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF TECHNOLOGY

**Abstract:** This study describes the learning motivation of cohort 25 pharmacy students at HUTECH University. A cross-sectional descriptive design was employed using an online questionnaire with a 5-point Likert scale from February to March 2026. Of 80 distributed questionnaires, 50 valid responses were analyzed, giving a response rate of 62.5%. Data were processed in Excel using frequencies, percentages, mean scores, and charts. The overall learning motivation mean score was 3.76/5.00; intrinsic motivation scored 3.89, external motivation 3.56, and influencing factors 3.84. Students rating their current learning motivation as high or very high accounted for 64.0% of the sample. These results indicate a generally positive motivational profile and suggest the need to strengthen career orientation, academic support, and the practical relevance of teaching and learning activities in pharmacy education.

**Keywords:** learning motivation; pharmacy students; higher education; HUTECH University.

Nhận bài: 10/02/2026

Phản biện: 13/03/2026

Duyệt đăng: 18/03/2026

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Động lực học tập là một yếu tố quan trọng trong giáo dục đại học vì có liên quan đến mức độ tham gia học tập, sự kiên trì, sự gắn bó với chương trình đào tạo và kết quả học tập của người học. Trong khối ngành sức khỏe, động lực học tập còn gắn với khả năng thích ứng với môi trường đào tạo, mức độ sẵn sàng nghề nghiệp và định hướng phát triển sau tốt nghiệp (Duong et al., 2025; Murad & Alajmi, 2026). Việc nhận diện động lực học tập và các yếu tố tác động đến động lực học tập vì vậy có ý nghĩa đối với công tác tổ chức đào tạo, hỗ trợ học tập và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên.

Các nghiên cứu gần đây cho thấy động lực học tập của sinh viên chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhóm yếu tố. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Quỳnh Thơ và Võ Viết Tiến (2025) tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng cho thấy ba nhóm yếu tố nổi bật gồm mục tiêu học tập cá nhân, chương trình đào tạo và sự hỗ trợ từ gia đình, bạn bè. Trong bối cảnh đào tạo điều dưỡng, Nguyễn Thị Nga et al. (2025) ghi nhận động lực học tập của sinh viên liên quan đến sự tự tin, hình ảnh nghề nghiệp, sự động viên từ gia đình, bạn bè, phương pháp giảng dạy và sự hướng dẫn của giảng viên.

Với sinh viên y và khoa học sức khỏe, Duong et al. (2025) cho thấy động lực học tập có liên hệ với một số đặc điểm cá nhân và các yếu tố sức khỏe tinh thần, chất lượng cuộc sống. Ở nhóm sinh viên dược, Murad và Alajmi (2026) nhấn mạnh vai trò của cảm nhận về tự chủ, năng lực và sự gắn kết trong việc duy trì động lực học tập và định hướng nghề nghiệp.

Tuy nhiên, trong phạm vi các tài liệu được sử dụng ở nghiên cứu này, chưa có công trình nào khảo sát trực tiếp động lực học tập của sinh viên khóa 25 ngành Dược tại HUTECH University. Vì vậy, nghiên cứu được thực hiện nhằm mô tả thực trạng động lực học tập của nhóm sinh viên này, đồng thời nhận diện một số yếu tố ảnh hưởng nổi bật từ dữ liệu khảo sát thực tế. Kết quả nghiên cứu được kỳ vọng cung cấp thêm căn cứ thực tiễn cho hoạt động đào tạo và hỗ trợ sinh viên ngành Dược tại nhà trường.

### II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý thuyết

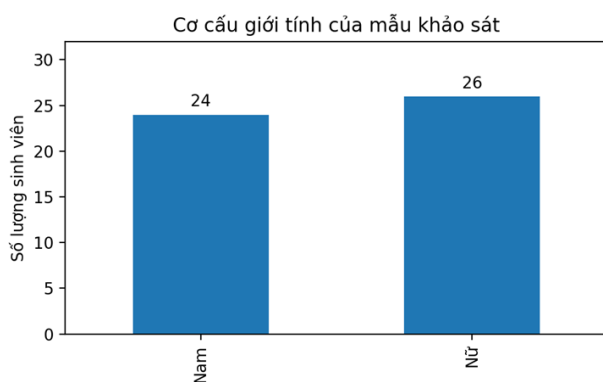
Các nghiên cứu đã công bố cho thấy động lực học tập là hiện tượng đa chiều và có thể được tiếp cận từ cả góc độ cá nhân lẫn bối cảnh giáo dục. Ở bối cảnh sinh viên đại học nói chung, Nguyễn

Thị Quỳnh Thơ và Võ Việt Tiến (2025) cho thấy yếu tố cá nhân, chương trình đào tạo và hỗ trợ từ gia đình, bạn bè là những nhóm tác động đáng chú ý đến động lực học tập. Ở khối ngành sức khỏe, Nguyễn Thị Nga et al. (2025) và Phạm et al. (2024) cho thấy động lực học tập của sinh viên có thể khác nhau theo đặc điểm người học, môi trường đào tạo và một số yếu tố liên quan đến quá trình học tập. Nghiên cứu của Duong et al. (2025) tiếp tục cho thấy động lực học tập cần được xem xét trong mối liên hệ với sức khỏe tinh thần và chất lượng cuộc sống của sinh viên khối ngành sức khỏe.

Về phương diện lý thuyết, các tài liệu được sử dụng trong nghiên cứu này gợi mở hai chiều tiếp cận cơ bản là động lực nội tại và động lực bên ngoài. Trong đào tạo dược, Murad và Alajmi (2026) cho thấy khi sinh viên cảm nhận được sự tự chủ, năng lực và sự gắn kết trong môi trường học tập, động lực nội tại và sự tham gia học tập có xu hướng được củng cố. Luận văn của King (2013) cũng chỉ ra rằng động lực học tập có thể được phân tích theo chiều nội tại và bên ngoài, đồng thời có liên hệ với cam kết học tập và mức độ hài lòng trong học tập ở sinh viên dược. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này tiếp cận động lực học tập của sinh viên khóa 25 ngành Dược theo ba nhóm nội dung: động lực nội tại, động lực bên ngoài và các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập. Cách tiếp cận này phù hợp với cấu trúc bảng hỏi và mức độ xử lý dữ liệu hiện có.

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thiết kế mô tả cắt ngang. Đối tượng nghiên cứu là toàn bộ sinh viên khóa 25 ngành Dược tại HUTECH University. Dữ liệu được thu thập từ tháng 02/2026 đến tháng 03/2026 bằng bảng hỏi trực tuyến trên Google Forms.



Hình 1. Cơ cấu giới tính của mẫu khảo sát

Nguồn: Tổng hợp từ dữ liệu khảo sát của tác giả, 2026

Tổng số 80 phiếu khảo sát được phát ra; nghiên cứu thu về 50 phiếu hợp lệ, đạt tỷ lệ 62,5%. Bảng hỏi gồm các nhóm câu hỏi về thông tin chung của người trả lời, động lực nội tại, động lực bên ngoài, yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập và mức độ động lực học tập hiện tại. Các mục khảo sát được xây dựng theo thang Likert 5 mức.

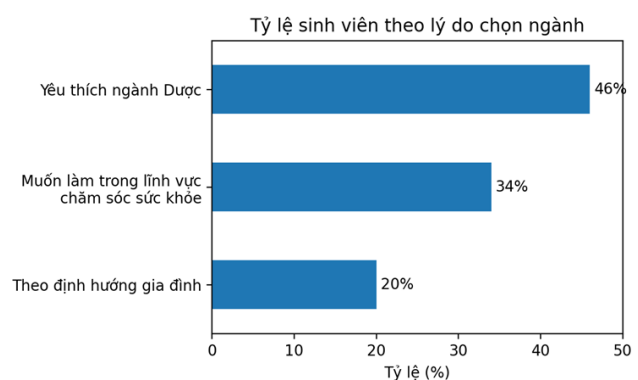
Dữ liệu được tổng hợp và xử lý bằng Excel thông qua tần suất, tỷ lệ phần trăm, điểm trung bình và biểu đồ minh họa. Nghiên cứu không thực hiện các kiểm định suy luận hay mô hình phân tích phức tạp; do đó, các kết luận của bài báo được giới hạn trong phạm vi mô tả đặc điểm mẫu và xu hướng của các chỉ số khảo sát.

## 2.3. Kết quả nghiên cứu

### 2.3.1. Đặc điểm mẫu khảo sát

Trong 50 phiếu hợp lệ, số sinh viên nữ là 26, chiếm 52,0%, và số sinh viên nam là 24, chiếm 48,0% (Hình 1). Về lớp học, sinh viên lớp D25A chiếm 44,0%, lớp D25B chiếm 34,0% và lớp D25C chiếm 22,0%. Về nơi ở hiện tại, 44,0% sinh viên ở nhà trọ, 30,0% ở ký túc xá và 26,0% ở cùng gia đình.

Về lý do chọn ngành, 46,0% sinh viên cho biết chọn ngành Dược vì yêu thích ngành học, 34,0% vì mong muốn làm việc trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và 20,0% do định hướng gia đình (Hình 2). Kết quả này cho thấy lựa chọn ngành học của phần lớn sinh viên trong mẫu nghiên cứu gắn với hứng thú cá nhân và định hướng nghề nghiệp. Bên cạnh đó, 48,0% sinh viên đánh giá ngành học ở mức rất phù hợp với mong muốn ban đầu, 26,0% đánh giá phù hợp và 26,0% cho rằng ở mức bình thường. Về kết quả học tập tự đánh giá, 38,0% sinh viên xếp loại giỏi, 34,0% xếp loại khá và 28,0% xếp loại trung bình.



Hình 2. Tỷ lệ sinh viên theo lý do chọn ngành

Nguồn: Tổng hợp từ dữ liệu khảo sát của tác giả, 2026

### 2.3.2. *Thực trạng động lực học tập của sinh viên*

Kết quả tổng hợp cho thấy điểm trung bình động lực học tập chung của sinh viên đạt 3,76/5,00. Trong ba nhóm chỉ số, động lực nội tại có điểm trung bình cao nhất với 3,89 điểm; nhóm yếu tố ảnh hưởng đạt 3,84 điểm; trong khi động lực bên ngoài đạt 3,56 điểm. Sự chênh lệch này cho thấy động lực học tập của sinh viên trong mẫu nghiên cứu có xu hướng nghiêng về phía các nguồn thúc đẩy bên trong nhiều hơn so với các tác động bên ngoài.

Xét ở từng phát biểu cụ thể, một số nội dung có điểm trung bình cao gồm lo ngại kết quả học tập ảnh hưởng đến tương lai (4,66 điểm), mong muốn được làm việc đúng chuyên ngành sau tốt nghiệp (4,36 điểm), sức khỏe ảnh hưởng đến kết quả học tập (4,30 điểm) và yêu thích ngành Dược (4,24 điểm). Ở chiều ngược lại, các nội dung có điểm thấp hơn gồm áp lực cạnh tranh với bạn bè (2,74 điểm), phương pháp giảng dạy ảnh hưởng đến động lực học tập (3,06 điểm) và sự hỗ trợ từ bạn bè (3,06 điểm). Các kết quả này cho thấy bên cạnh động lực nội tại, một số yếu tố liên quan đến tương lai nghề nghiệp, sức khỏe và điều kiện học tập cũng hiện diện khá rõ trong nhận thức của người học.

### 2.3.3. *Mức độ động lực học tập hiện tại và yếu tố ảnh hưởng nổi bật*

Khi tự đánh giá mức độ động lực học tập hiện tại, 18 sinh viên (36,0%) chọn mức trung bình, 19 sinh viên (38,0%) chọn mức cao và 13 sinh viên (26,0%) chọn mức rất cao; không có sinh viên nào lựa chọn mức thấp hoặc rất thấp. Nếu gộp hai mức cao và rất cao, tỷ lệ sinh viên có đánh giá tích cực về động lực học tập hiện tại đạt 64,0%. Kết quả này cho thấy phần lớn sinh viên trong mẫu khảo sát đang duy trì động lực học tập ở mức tương đối tích cực.

Ở câu hỏi về yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến động lực học tập, cơ hội nghề nghiệp và giảng viên cùng chiếm tỷ lệ cao nhất, đều đạt 28,0%; tiếp theo là bản thân yêu thích ngành học với 24,0% và điều kiện kinh tế với 20,0%. Về mức độ gắn bó lâu dài với ngành Dược, 40,0% sinh viên chọn mức có lẽ có, 26,0% chọn mức chắc chắn có và 34,0% còn phân vân. Kết quả này cho thấy động lực học tập của sinh viên không chỉ gắn với hứng thú cá nhân mà còn liên quan đến triển vọng nghề nghiệp, tác động của người dạy và điều kiện kinh tế.

## 2.4. **Bàn luận**

Kết quả nghiên cứu cho thấy động lực học tập của sinh viên khóa 25 ngành Dược tại HUTECH University có xu hướng tích cực, thể hiện qua

điểm trung bình chung 3,76/5,00 và tỷ lệ 64,0% sinh viên tự đánh giá động lực học tập ở mức cao hoặc rất cao. Dù công cụ đo lường và cách xử lý dữ liệu của các nghiên cứu không hoàn toàn giống nhau, kết quả này có thể được đặt trong đối chiếu tham khảo với một số nghiên cứu trước về sinh viên khối ngành sức khỏe. Nguyễn Thị Nga et al. (2025) cho thấy tỷ lệ sinh viên điều dưỡng có động lực học tập tốt chưa cao, trong khi Pham et al. (2024) ghi nhận động lực học tập của sinh viên y tế công cộng ở mức thấp theo chỉ số SDI. So với các kết quả đó, mẫu khảo sát hiện tại cho thấy một xu hướng khả quan hơn; tuy nhiên, do khác biệt về thang đo, cỡ mẫu và bối cảnh đào tạo, kết quả chỉ nên được hiểu ở mức đối chiếu, chưa đủ cơ sở để khẳng định sự khác biệt tuyệt đối.

Một phát hiện đáng chú ý của nghiên cứu là động lực nội tại cao hơn động lực bên ngoài. Kết quả này phù hợp với gợi ý từ nghiên cứu của Murad và Alajmi (2026), theo đó sự tự chủ, cảm nhận về năng lực và sự gắn kết có thể góp phần củng cố động lực nội tại của sinh viên dược. Kết quả này cũng có điểm tương đồng với nhận định của Nguyễn Thị Quỳnh Thơ và Võ Viết Tiến (2025) về vai trò của mục tiêu cá nhân trong việc hình thành động lực học tập. Trong nghiên cứu hiện tại, tỷ lệ sinh viên chọn ngành vì yêu thích ngành học và vì mong muốn làm việc trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe chiếm phần lớn mẫu khảo sát, qua đó cho thấy mối liên hệ giữa lựa chọn ngành học và xu hướng duy trì động lực học tập.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy cơ hội nghề nghiệp, giảng viên, sự yêu thích ngành học và điều kiện kinh tế là những yếu tố ảnh hưởng nổi bật đến động lực học tập. Điều này phù hợp với hướng tiếp cận xem động lực học tập là kết quả của sự tương tác giữa người học và môi trường đào tạo. Trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Nga et al. (2025), phương pháp giảng dạy, sự hướng dẫn của giảng viên và sự động viên từ các mối quan hệ xã hội cũng được ghi nhận là những yếu tố có liên quan đến động lực học tập của sinh viên điều dưỡng. Vì vậy, kết quả của nghiên cứu này gợi ý rằng việc tăng cường hỗ trợ học thuật, phản hồi sư phạm và định hướng nghề nghiệp có thể là những hướng tác động phù hợp trong bối cảnh đào tạo ngành Dược.

Bên cạnh đó, vẫn còn 36,0% sinh viên chỉ tự đánh giá động lực học tập ở mức trung bình. Đây là nhóm cần được quan tâm trong hoạt động cố vấn học tập và hỗ trợ người học. Nghiên cứu của

Duong et al. (2025) cho thấy động lực học tập của sinh viên khối ngành sức khỏe có thể liên hệ với sức khỏe tinh thần và chất lượng cuộc sống; vì vậy, ngoài yếu tố học thuật, việc quan tâm tới trải nghiệm học tập, áp lực học tập và điều kiện hỗ trợ của sinh viên cũng có ý nghĩa thực tiễn.

Nghiên cứu có một số giới hạn. Thứ nhất, nghiên cứu chỉ khảo sát một nhóm sinh viên của một cơ sở đào tạo nên khả năng khái quát hóa còn hạn chế. Thứ hai, dữ liệu được xử lý theo hướng mô tả, chưa cho phép kiểm định mối liên hệ giữa các biến số. Thứ ba, dữ liệu dựa trên tự báo cáo của người học nên có thể chịu ảnh hưởng của cảm nhận chủ quan tại thời điểm khảo sát. Dù vậy, nghiên cứu vẫn cung cấp một bức tranh thực chứng ban đầu về động lực học tập của sinh viên khóa 25 ngành Dược tại HUTECH University.

### III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy sinh viên khóa 25 ngành Dược tại HUTECH University có động lực học tập nhìn chung ở mức tích cực. Điểm trung bình

động lực học tập chung đạt 3,76/5,00; trong đó động lực nội tại cao hơn động lực bên ngoài. Phần lớn sinh viên tự đánh giá động lực học tập hiện tại ở mức cao hoặc rất cao. Lý do lựa chọn ngành chủ yếu tập trung vào sự yêu thích ngành Dược và mong muốn làm việc trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe.

Từ kết quả nghiên cứu, có thể đề xuất một số khuyến nghị. Thứ nhất, khoa chuyên môn cần tăng cường hoạt động định hướng nghề nghiệp để sinh viên thấy rõ hơn mối liên hệ giữa quá trình học tập và con đường nghề nghiệp trong tương lai. Thứ hai, cần tiếp tục nâng cao tính thực tiễn của hoạt động dạy học và trải nghiệm nghề nghiệp trong chương trình đào tạo. Thứ ba, giảng viên và cố vấn học tập nên tăng cường hỗ trợ học thuật, phản hồi kịp thời và khuyến khích sự chủ động của sinh viên. Thứ tư, nhà trường cần quan tâm tới các điều kiện hỗ trợ học tập và đời sống cho nhóm sinh viên mới duy trì động lực ở mức trung bình.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Duong, N. L. M., Nguyen, V. H., Ngo, M. T., Le, D. M., Nguyen, T. D., Nguyen, T. T. T., Nguyen, H. T., Kim, B. G., & Pham, T. T. (2025). Academic motivation in association with mental health and quality of life among medical and health science students: A survey in Vietnam. *BMC Medical Education*, 25, 986. <https://doi.org/10.1186/s12909-025-07368-4>
- King, M. D. (2013). *Motivation and education: Performance, commitment, and satisfaction among pharmacy students [Master's thesis, University of Montana]*. ScholarWorks at University of Montana. <https://scholarworks.umt.edu/etd/682>
- Murad, M. S., & Alajmi, Z. (2026). A qualitative study on student pharmacists' motivation, academic performance, and career intentions using self-determination theory. *American Journal of Pharmaceutical Education*, 90, Article 101916. <https://doi.org/10.1016/j.ajpe.2025.101916>
- Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Thị Thanh Hiền, & Trần Thị Thanh Tâm. (2025). Academic motivation of nursing students at Vinh Medical University and some related factors. *Vietnam Journal of Community Medicine*, 66(Special Issue 7), 290–296. <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD7.2429>
- Nguyễn Thị Quỳnh Thơ, & Võ Viết Tiến. (2025). Nghiên cứu về động lực học tập của sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng*, 23(5B), 33–38. [https://doi.org/10.31130/ud-jst.2025.23\(5B\).106NN](https://doi.org/10.31130/ud-jst.2025.23(5B).106NN)
- Pham, D. M., Ngo, V. A., Ly, T. T. P., Ho, T. C. T., Thach, H. T., Lam, N. A., & Mai, N. T. T. (2024). Academic motivation and factor associated with public health students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy in 2024. *Can Tho Journal of Medicine and Pharmacy*, 10(8), 81–87. <https://doi.org/10.58490/ctump.2024i8TA.3168>